TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 628/2023/DS-PT Ngày: 13/12/2023 V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu;

Ông Võ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 294/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 920/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc Thúy Thanh T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: A ô A, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: số A Ô, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 02/6/2023 tại Văn phòng C) (BL 43-44).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: A ô A, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: 194 Ô, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của anh K: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/12/2023 tại Văn phòng C).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Huỳnh Ngọc K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn chị Trịnh Ngọc Thúy Thanh T có đại diện theo ủy quyền là ông Trịnh Văn T1 trình bày:*

Vào ngày 21/9/2020, anh Huỳnh Ngọc K có vay của chị T2 số tiền 700.000.000 đồng để giải quyết việc cá nhân. Đây là tài sản riêng của chị T. Khi mượn tiền, anh K có viết giấy nợ và ký tên xác nhận tại nhà của hai vợ chồng. Hẹn khi nào chị T yêu cầu thì anh K trả lại tiền. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020 khi chị T yêu cầu thì anh K không thực hiện. Sau đó đến ngày 18/2/2022, anh K nộp đơn ly hôn với chị T tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và đã được Tòa án nhân dân Chợ Gạo giải quyết theo Bản án số 353/2022/HNGĐ- ST ngày 25/7/2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con (gọi tắt Bản án 353). Theo đó, trong quá trình giải quyết vụ kiện nêu trên tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo thì anh K có thừa nhận có mượn của chị T số tiền là 700.000.000 đồng, đây là tài sản riêng của chị vì giữa chị và anh K không có tài sản chung và anh K cũng đã đồng ý trả lại cho chị số tiền là 700.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ kiện nêu trên, chị T có yêu cầu anh K trả nhưng do chị T chưa hoàn thành thủ tục phản tố theo quy định nên Tòa án chưa giải quyết buộc anh K trả nợ cho chị. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo cũng có nhận định trong bản án số 353/2022/HNGĐ-DS ngày 25/7/2022 như sau: Trường hợp chị T và anh K có tranh chấp về khoản nợ nêu trên thì được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc anh Huỳnh Ngọc K phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ cho chị Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền là 700.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định là 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/01/2021 cho đến khi xét xử. Thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày: Nguồn tiền chị T đưa anh K là do bà Nguyễn Thị T4 (bà ngoại của chị T) cho chị T, và khi cho không có lập biên nhận giấy tờ gì cả, chỉ có các thành viên trong gia đình biết. Bà T4 cho trước khi mất 02 năm, vào thời điểm năm 2016- 2017, không nhớ rõ. Đại diện bị đơn cho rằng tài sản chung là không đúng, vì là tài sản riêng nên anh K mới viết biên nhận. Đại diện bị đơn có yêu cầu triệu tập người làm chứng và xác minh tiền lương, thu nhập bà T4, sao kê tài

khoản ngân hàng của chị T thì phía nguyên đơn không đồng ý. Đồng thời, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn anh Huỳnh Ngọc K có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Ngọc P1 trình bày:*

Anh K không hề nợ chị T bất kỳ khoản tiền nào. Biên nhận ngày 21/9/2020 do anh K tự viết và ký tên. Việc lập biên nhận chỉ nhằm mục đích cho chị T vui vì thời gian đó hai vợ chồng còn hòa thuận hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, anh K không hề thừa nhận có nợ của chị T bất kỳ số tiền nào. Bị đơn không đồng ý về phần nội dung tiền nợ được đề cập trong bản án hôn nhân số 353/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Số tiền 700.000.000 đồng mà nguyên đơn trình bày trong biên nhận là tài sản chung của vợ chồng từ nguồn tiền mua bán đất, chứng cứ mà bên bị đơn cung cấp là các hợp đồng mua bán đất.

Đề nghị đưa những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong các hợp đồng mà phía bị đơn cung cấp vào làm người làm chứng trong vụ án này để chứng minh nguồn tiền trong biên nhận nợ là tiền nhận chuyển nhượng chứ không phải là tiền do bà ngoại cho như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Đồng thời yêu cầu xác minh thu thập: thu nhập chị T, của bà T4, sao kê tài khoản ngân hàng của chị T từ năm 2018 đến năm 2020.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 294/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ T5 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Ngọc Thúy Thanh T.

- Buộc anh Huỳnh Ngọc K trả cho chị Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền đối với anh Huỳnh Ngọc K về tiền lãi.

3. Về án phí:

- Anh Huỳnh Ngọc K phải chịu 35.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trịnh Ngọc Thúy Thanh T được hoàn lại 18.854.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025906 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07/8/2023, bị đơn anh Huỳnh Ngọc K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử: sửa toàn bộ bản án sơ thẩm; với lý do: Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo về việc buộc anh có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 700.000.000 đồng cùng lãi suất. Do đây là tài sản chung của anh và chị T trong thời kỳ hôn nhân, Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc số tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Ngọc K thay đổi yêu cầu kháng cáo. Không đồng ý trả lại chị T 700.000.000 đồng vì đó là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên chỉ chấp nhận trả lại chị T 350.000.000 đồng. Về phần lãi suất thì xin rút vì án sơ thẩm không buộc anh K trả.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trịnh Ngọc Thúy Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y án sơ thẩm đã xử.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên nhận định Tòa sơ thẩm xử buộc anh Huỳnh Ngọc K có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền 700.000.000 đồng là có căn cứ, đúng luật định. Anh K kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh anh không có nợ chị T nên không có cơ sở chấp nhận được. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ

luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Về thời hạn kháng cáo:

Anh Huỳnh Ngọc K thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, đúng theo điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn ủy quyền cho Trịnh Văn T1, bị đơn ủy quyền cho Nguyễn Hữu P tham gia tố tụng tại Tòa phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại 700.000.000 đồng tiền vay theo biên nhận nợ bị đơn ký ngày 21/9/2020. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo điều 5, khoản 3 điều 26, điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 166, 280, 351, 357, 463, 468 của Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Việc ủy quyền được thực hiện theo điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn Trịnh Ngọc Thúy Thanh T trình bày: Vào ngày 21/9/2020 chị có cho anh Huỳnh Ngọc K vay 700.000.000 đồng là tài sản cá nhân của chị để anh K giải quyết việc riêng. Khi vay tiền anh K có viết giấy nợ và ký tên. Hẹn khi nào chị T cần thì anh K trả lại chị. Nhưng đến cuối năm 2020 chị T yêu cầu anh K trả tiền thì anh K không trả. Năm 2022 anh K nộp đơn ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết anh K cũng thừa nhận có mượn của chị 700.000.000 đồng là tài sản riêng của chị và đồng ý trả cho chị nhưng do chị chưa làm đầy đủ thủ tục nên tòa chưa giải quyết. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh K trả lại chị 700.000.000 đồng và tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2021 đến khi Tòa án xét xử. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị T rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh K nợ chị T.

[3.2] Bị đơn Huỳnh Ngọc K và người đại diện theo ủy quyền của anh K trình bày: Anh K không hề nợ chị T bất cứ khoản tiền nào. Biên nhận nợ ghi ngày 21/9/2020 do anh K viết và ký tên chỉ nhằm mục đích làm cho chị T vui vì thời điểm đó hai vợ chồng còn hòa thuận hạnh phúc. Số tiền 700.000.000 đồng trong biên nhận là tài sản chung của vợ chồng từ nguồn tiền mua bán đất.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc anh K có nghĩa vụ trả cho chị T 700.000.000 đồng nhưng anh K không chấp nhận nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Ngọc K nhận thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bị đơn là biên nhận mượn tiền có nội dung như sau "Tôi Huỳnh Ngọc K 1983 ngụ 187 Ô1, khu A, Thị trấn Chợ Gạo T.

Vào ngày 21/9/2020 tôi có mượn bà Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền 1986 ngụ 187 Ô1, khu A, Thị trấn Chợ Gạo T với số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Tôi sẽ trả cho bà T khi bà có yêu cầu cần trả. Nếu không trả số tiền trên tôi sẽ nuôi 3 mẹ con suốt đời. Chợ G1 ngày 21/9/2020. Người viết ký tên Huỳnh Ngọc K" (BL 65). Anh K thừa nhận nội dung tờ biên nhận mượn tiền là do anh viết và ký tên.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/4/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo về việc xin ly hôn giữa nguyên đơn Huỳnh Ngọc K với bị đơn Trịnh Ngọc Thúy Thanh T thì chị T có đề cập anh K mượn tiền của chị 700.000.000 đồng vào ngày 21/9/2020. Chị T yêu cầu anh K trả số tiền đó cho chị nếu Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K. Về phần mình anh K có ý kiến như sau: Về số tiền nợ mà cô T trình bày: Tôi thừa nhận tôi có mượn cô T số tiền 700.000.000 đồng, biên nhận nợ đề ngày 21/9/2020 là do tôi viết và ký tên. Nay tôi đồng ý trả số tiền 700.000.000 đồng theo yêu cầu của cô T, còn tiền lãi thì tôi không đồng ý (BL50). Và theo thông báo số 1906/TB.CAH.TT ngày 11/7/2022 của Công an huyện C về kết quả giải quyết tố cáo của chị T đối với đồng chí Đại úy Huỳnh Ngọc K kết quả như sau: Tố cáo đồng chí Kiên mượn của vợ (chị T) 715.000.000 đồng nhưng chưa trả. Kết quả xác minh: Qua làm việc đồng chí K thừa nhận có mượn của vợ (chị T 715.000.000 đồng nhưng chưa trả (BL 45). Vì vậy Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh K có nghĩa vụ trả cho chị T 700.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Anh K kháng cáo cho rằng số tiền 700.000.000 đồng anh nợ chị T là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng anh K không cung cấp được tài liệu chứng minh số tiền anh viết biên nhận mượn của chị T là tài sản chung. Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh như sau:

"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Về phần anh K yêu cầu chị T chứng minh số tiền 700.000.000 đồng cho anh mượn là tiền riêng của chị T, yêu cầu này của anh K đã được thể hiện rõ trong hồ sơ xin ly hôn giữa anh với chị T tại bản án số 353/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã có hiệu lực pháp luật nên không cần phải chứng minh bởi theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

"1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:

b. Những tình tiết, sự kiện đã xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Một bên đương sự thừa nhận, hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng quy định:

"1. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn, tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân".

Do đó nếu cho rằng số tiền 700.000.000 đồng chị T yêu cầu anh K trả là tài sản chung của vợ chồng như anh K trình bày thì không có lý do gì anh K phải viết biên nhận mượn tiền chị T với tư cách xưng hô "Tôi" và "Bà" không mấy thân thiện như anh K khai là nhằm mục đích làm cho chị T vui vì vợ chồng còn hòa thuận hạnh phúc, và nếu như tiền đó là tài sản chung của vợ chồng thì khi ly hôn anh K sẽ không thừa nhận có nợ chị T và cam kết trả cho chị T như hồ sơ ly hôn đã ghi nhận. Về phần lãi xuất thì người đại diện theo ủy quyền của chị T đã rút lại yêu cầu nên Tòa sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết, không buộc anh K trả nhưng anh K lại kháng cáo không chấp nhận là vượt ngoài phạm vi trách nhiệm của anh K nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Anh P là người đại diện cho anh K cũng rút yêu cầu này nên không cần phải xem xét.

[6] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được dẫn chứng và đối chiếu với quy định của pháp luật nhận thấy anh K kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới có căn cứ pháp luật làm thay đổi nội dung tính chất vụ án nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo các điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên án sơ thẩm xử buộc anh K phải chịu 35.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là trái với tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 nên cần điều chỉnh lại sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm anh K phải chịu xuống còn 32.000.000 đồng theo quy định trên.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhận định và đề nghị hướng xét xử phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 270, 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Ngọc K.

Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 294/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang về án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào điều 5 khoản 3, điều 26, 35, 39, 85, 86, 147, 148, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điều 26, 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Trịnh Ngọc Thúy Thanh T.

Buộc anh Huỳnh Ngọc K có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền về phần lãi suất đòi anh K phải trả.

3. Về án phí:

- Anh Huỳnh Ngọc K phải chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại chị Trịnh Ngọc T3 Thanh Tuyền 18.854.000 đồng tạm ứng án phí đã theo biên lai thu số 0025906 ngày 19/4/2023 và trả lại anh Huỳnh Ngọc K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002617 ngày 09/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hoàng Khải